

Số ~~86~~/TB-THADS

Quảng Nam, ngày ...~~03~~ tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc công khai lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2014/HSST ngày 27/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 02/2015/HSPT ngày 07/01/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án hình sự phúc thẩm số 291/2018/HS-PT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2573/TCTHADS-NV2 ngày 26/7/2021 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ủy thác thi hành án vụ Huỳnh Thị Huyền Như;

Căn cứ Quyết định ủy thác thi hành án số 849/QĐ-CTHADS ngày 23/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thu hồi quyết định về thi hành án số 141/QĐ-CTHADS ngày 09/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 142/QĐ-CTHADS ngày 09/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định thi hành án số 34/QĐ-CTHADS ngày 14/12/2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam,

Do đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản nên Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản đối với căn biệt thự H2 thuộc khu resort The Nam Hải đứng tên bà Nguyễn Thị Lang (mẹ Huỳnh Thị Huyền Như) tại xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Lệnh kê biên tài sản số 04/C46 (P10) ngày 28/9/2011 của CQCSĐT Bộ Công an như sau:

I. Tên, địa chỉ của người có tài sản thẩm định giá:

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Khối phố Ngọc Nam, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

II. Tên tài sản:

Căn biệt thự The Nam Hải đứng tên bà Nguyễn Thị Lang (mẹ Huỳnh Thị Huyền Như) và các tài sản trong biệt thự tại xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Lệnh kê biên tài sản số 04/C46 (P10) ngày 28/9/2011 của CQCSĐT Bộ Công an và biên bản kiểm kê hiện trạng tài sản kê biên ngày 22/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

III. Yêu cầu về hồ sơ của tổ chức thẩm định giá gồm:

- Là doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện thẩm định giá theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính

- Có văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu,...) và các tài liệu khác có liên quan kèm theo khung tiêu chí tổ chức thẩm định giá tự chấm điểm, đánh giá (Khung tiêu chí gửi kèm theo Thông báo này).

- Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Cơ quan Thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá tài sản không được lựa chọn.

IV. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ:

1. Thời gian nộp hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ thời điểm đăng tải thông báo trên trang thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

2. Địa điểm và hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam – địa chỉ: Khối phố Ngọc Nam, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Vậy, Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam thông báo công khai cho các tổ chức thẩm định giá tài sản biết, đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Lưu VT, HSTHA.



Hoàng Minh Đông

TÊN DN:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng năm 20.....

KHUNG TIÊU CHÍ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG		100		
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15		
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản.	Có 02 Chi nhánh trở lên	5		- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. - Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	5		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề.	Trên 07 thẩm định viên	5		
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		
		Dưới 05 thẩm định viên	3		
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá.	Trên 05 năm	05		
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		



					định giá tài sản hàng năm.
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60		
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	Trên 30 hồ sơ	15		
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13		
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá.	Không bị xử phạt vi phạm hành chính.	10		
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính.	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính.	0		
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá.	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	5		
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá.	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc.	9		
		Trên 05 ngày làm việc.	8		

5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá.	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu.	10		
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố.	Từ 80 điểm trở lên	10		
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9		
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
III	Năng lực tài chính		15		
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty.		5		
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong các hồ sơ đăng ký.	5		
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.	Trên 5 tỷ/năm	5		
		Từ 3 – 5 tỷ/năm	4		
		Từ 1 – 3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;...)		10		

